

Bản án số:99/2022/HS-ST

Ngày 30 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng;

Ông Trần Công Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị T Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2022/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 92/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ tên: **Bùi Thị T**, sinh năm 1980 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Duy H (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; chồng, con: Chưa xác định được; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Bùi Văn H, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau: Năm 1998 Bùi Thị T xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, lấy chồng và sinh sống tại Trung Quốc. Quá trình sinh sống ở Trung Quốc, T thấy các cơ sở sản xuất tư nhân tại Trung Quốc cần nhiều lao động với mức lương cao hơn so với ở Việt Nam, việc quản lý lao động ở Trung Quốc không chặt chẽ, nên T đã nảy sinh ý định tổ chức đưa người Việt Nam vượt biên trốn sang Trung Quốc lao động làm thuê, nhằm hưởng lợi từ việc thu tiền chi phí vượt biên và tiền công môi giới bố trí việc làm cho người lao động.

Khoảng giữa năm 2010, Bùi Thị T nhập cảnh trái phép trở về địa phương ở xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc để thăm người thân. Tại đây, do muốn có tiền tiêu xài cá nhân T đã bàn bạc với Bùi Kim A, sinh năm 1984 (là em trai của T) và Bùi Văn H, sinh năm 1975 (là anh trai của T), đều ở Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc về việc đưa người lao động trốn sang Trung Quốc trái phép để kiếm lời. Trong khoảng thời gian ở địa phương, T nói với nhiều người ở xã L, huyện L là T có khả năng đưa mọi người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động với mức lương cao hơn lao động ở Việt Nam (khoảng 6.000.000đ/tháng, tính theo tiền Việt Nam), công việc không vất vả, nếu ai có nhu cầu thì liên hệ với Kim A và H. T giao cho Kim A và H tập hợp những người Việt Nam có nhu cầu sang Trung Quốc lao động, rồi thuê xe đưa họ đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây, T bố trí, sắp xếp người đón, đưa vượt biên trái phép tại biên giới Việt - Trung rồi đến tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc để T sẽ đón và bố trí công việc. T thống nhất việc chi phí tiền xe đi từ xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc do Bùi Kim A, Bùi Văn H tự thu, còn T sẽ thu chi phí vượt biên là 1.200 Nhân dân tệ/01 người, số tiền này T sẽ trừ dần từ tiền công lao động của những người muốn vượt biên sang Trung Quốc làm việc. Ngoài ra, mỗi người sang Trung Quốc lao động phải trả cho T tiền môi giới việc làm là 50 Nhân dân tệ/tháng.

Trước đó, trong những lần đi và về trái phép qua khu vực biên giới thuộc thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, T đã gặp và quen biết với Vũ Thị D, sinh năm 1968, trú tại Khu I, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, lấy chồng và sinh sống tại Trung Quốc, là đối tượng đưa người xuất, nhập cảnh trái phép ở khu vực biên giới Việt - Trung qua sông Ka L2, thành phố Móng Cái. T đã đặt vấn đề sẽ thuê D tổ chức đưa người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động, thỏa thuận chi phí T sẽ trả cho D là 1.150 Nhân dân tệ/người, D sẽ có nhiệm vụ tổ chức đón, đưa người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và sẽ bố trí xe ô tô đưa người Việt Nam đến bàn giao cho T tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2013, T cùng các đồng phạm đã nhiều lần tổ chức đưa người Việt Nam từ địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc xuất cảnh trái phép trốn sang Trung Quốc tại khu vực biên giới Việt- Trung ở thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể như sau:

Lần 1: Đầu năm 2012, Bùi Kim A đã tập hợp được 12 người dân thuộc huyện Lập Thạch có nhu cầu đi sang Trung Quốc để làm thuê, gồm: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965 ở thôn Phú Ninh, xã L, huyện L; Nguyễn Văn H1, sinh năm 1976, cùng vợ là Hà Thị N, sinh năm 1976 và con gái là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1996 đều ở thôn Phú Lộc, xã L, huyện L; Nguyễn Thị T3, sinh năm 1971, Nguyễn Kim T4, sinh năm 1987, Nguyễn Đình C, sinh năm 1994, Nguyễn Đình B, sinh năm 1992 đều ở thôn Phú Khánh, xã L, huyện L; Nguyễn Văn M, sinh năm 1995, Đỗ Văn A, sinh năm 1993, Nguyễn Thị V, sinh năm 1983 đều ở

thôn Tây Thượng, xã L, huyện L và Trần Kim T, sinh năm 1995 ở xã B, huyện L. Bùi Kim A thu tiền xe đi từ xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh mỗi người 350.000đ và thống nhất với những người này là ngày 02/3/2012 sẽ xuất cảnh trái phép. Sau đó, Kim A gọi điện thoại thông báo cho T biết về thời gian xuất phát để T chủ động đón người vượt biên, T đồng ý và cho Kim A số điện thoại của D để bàn giao người cho D khi đưa nhóm người trên đến thành phố Móng Cái. Khoảng 14giờ 00phút ngày 02/3/2012, Kim A thuê xe ô tô 16 chỗ, biển kiểm sát: 29M- 9991 của anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1968, ở tỉnh Vĩnh Phúc, làm nghề kinh doanh vận tải đón 12 người nêu trên tại khu vực gần công ủy ban nhân dân xã L, huyện L đưa đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh với giá 3.500.000đ, Kim A thu tiền cước xe 350.000đ/người, tổng thu 12 người nêu trên được 4.200.000đ; Kim A trả tiền thuê xe cho anh Đ là 3.500.000đ và được hưởng lợi 700.000đ. Sau khi thu tiền xong, Kim A không trực tiếp đưa mọi người đi mà nhờ ông Nguyễn Văn T1 là người cùng đi làm thuê trong đoàn liên lạc với D (Kim A cung cấp số điện thoại của D cho ông T1) để D đón, đưa mọi người vượt biên sang Trung Quốc, ông T1 đồng ý. Khi anh Đ điều khiển chở mọi người đến tỉnh Bắc Ninh thì bị hỏng xe nên anh Đ đã thuê một chiếc xe khách đang chạy tuyến Quảng Ninh (không rõ chủ xe và biển kiểm soát xe) đưa 12 người này tiếp tục đi lên thành phố Móng Cái. Khoảng 23h00' cùng ngày, 12 người này đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh thì ông T1 gọi điện thoại cho D giới thiệu là người của T ở Vĩnh Phúc đi Trung Quốc. D nghe điện thoại và cho ông T1 số điện thoại của Vũ Thị M, sinh năm 1968, ở phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (M là chị ruột sinh đôi với D) để đón nhóm của ông T1. Sau khi ông T1 gọi điện thoại cho M thì M lại nhờ chồng là Đinh Công Q, sinh năm 1963, ở phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh thuê xe taxi đón 12 người nhóm của ông T1 về nhà. Tại đây, M đã đổi tiền Trung Quốc cho một số người và bố trí cho họ nghỉ ngơi. Khoảng 05giờ00phút ngày 03/3/2012, M đã bố trí xe ô tô đưa 12 người nêu trên đến bờ sông Ka L2, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (cách nhà M khoảng 500m) giao cho D để D đưa họ vượt biên từ Việt Nam sang Trung Quốc. D đã thuê đồ máy để đưa 12 người nhóm của ông T1 qua sông Ka L2, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh sang địa phận của Trung Quốc. Tại đây, D tiếp tục bố trí xe ô tô đưa 12 người này đến tỉnh Quảng Đông giao cho T. Sau khi nhận người, T đã sắp xếp cho họ làm tại các xưởng sản xuất đồ chơi khác nhau tại tỉnh Quảng Đông, lương tháng từ 1.200 đến 2.000 Nhân dân tệ tùy theo khối lượng công việc. Sau tháng làm việc đầu tiên mỗi người đã phải trả 1.200 Nhân dân tệ phí vượt biên cho T, T phải đã trả cho D số tiền phí vượt biên là 1150 Nhân dân tệ/người, T được hưởng lợi 50 Nhân dân tệ/người, tổng số tiền T được hưởng lợi là 600 Nhân dân tệ. Riêng đối với số tiền chi phí môi giới việc làm 50 Nhân dân tệ/người/tháng phải trả theo thỏa thuận thì 12 người Việt Nam nêu

trên đi trong chuyến này đều không phải trả cho T, do là người cùng quê và có quan hệ họ hàng nên T đã không yêu cầu họ phải trả số tiền này.

Lần 2: Đầu năm 2013, sau khi biết Bùi Văn H mua xe ô tô để kinh doanh vận tải hành khách, T đã gọi điện thoại cho H để bàn bạc, thống nhất việc tổ chức cho người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động, chi phí tiền cước xe đi xe từ huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc đến thành phố Móng Cái, Quảng Ninh do H tự thu, chi, H đồng ý. Sau đó, có một số người dân ở địa bàn huyện Lập Thạch đã gọi điện thoại liên hệ trực tiếp với T để xin đi làm thuê tại Trung Quốc, T đồng ý và cũng báo chi phí đi lại, tiền công môi giới việc làm hàng tháng phải trả cho T như chuyến thứ nhất, đồng thời hướng dẫn nếu ai muốn đi thì đăng ký với anh trai T là Bùi Văn H để được H sắp xếp xe và tổ chức đưa đi. H đã bàn bạc với vợ là Đỗ Thị L, sinh năm 1976, trú tại Thôn L, xã L, huyện L để cùng thực hiện việc tập hợp, tiếp nhận người Việt Nam và tổ chức cho họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê, L đồng ý. Sau đó, Bùi Văn H và Đỗ Thị L đã tập hợp được khoảng 10 người, gồm: Đỗ Văn Dương, sinh năm 1971 và Đỗ Kim Cúc, sinh năm 1988 đều ở xã L, huyện L và một số công dân khác (hiện chưa xác định được là những ai, ở đâu). Khoảng 14giờ00 phút ngày 18/02/2013, 10 người muốn trốn sang Trung Quốc lao động đã tập trung tại nhà H, H và L đã thu cước xe của họ là 350.000đ/người = 3.500.000đ. Sau đó, H và L thuê Bùi Thái B1, sinh năm 1975 và Bùi Thanh G, sinh năm 1985 đều trú tại Thôn L, xã L, huyện L là lái xe ô tô chở 10 người này đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, mức tiền công của B1 là 300.000đ/chuyến, của G là 500.000đ/chuyến. H đã cho B1 số điện thoại của D để liên lạc khi đến thành phố Móng Cái bàn giao người cho D để D đón, đưa họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. B1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát: 29B- xxx.xx, còn G làm phụ xe đưa mọi người đến thành phố Móng Cái. Khi gần đến nơi, B1 đã điện thoại thông báo cho D đón, thì được D cho số điện thoại của Vũ Đình L2, sinh năm 1962, ở khu 1, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (là anh trai ruột của D) bảo B1 liên hệ với L2 ra đón. Sau khi liên hệ được, L2 đã hẹn B1 nhận giao người tại khu vực gần bến xe Móng Cái, Quảng Ninh. Khi đến điểm hẹn, B1 và G đã bàn giao 10 người Việt Nam trong chuyến này cho 02 người đàn ông (không xác định được nhân thân, tên tuổi) rồi đi về Vĩnh Phúc. Nhóm người Việt Nam này đã được 02 người đàn ông này đưa đi ra khu vực bờ sông Ka L2 cách bến xe Móng Cái khoảng 200m, thì gặp đò máy do D đã chuẩn bị từ trước. Họ đã bàn giao 10 người nêu trên cho người lái đò máy để đưa họ vượt biên từ Việt Nam sang Trung Quốc qua sông Ka L2, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi nhóm người này được đưa vượt biên sang Trung Quốc, D đã đón, bố trí xe ô tô đưa tất cả nhóm đến tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc giao cho Bùi Thị T. Sau khi nhận người, T đã sắp xếp cho họ làm tại xưởng sản xuất đồ chơi nơi T đang làm thuê tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, lương tháng từ 1.200 đến 2.000 Nhân dân tệ tùy theo khối

lượng công việc. Sau tháng làm việc đầu tiên mỗi người đã phải trả 1.200 Nhân dân tệ phí vượt biên cho T, T phải trả cho D số tiền phí vượt biên là 1.150 Nhân dân tệ/người, T được hưởng lợi 50 Nhân dân tệ/người, tổng số tiền được hưởng lợi là 500 Nhân dân tệ. Riêng đối với số tiền chi phí môi giới việc làm 50 Nhân dân tệ/người/tháng phải trả theo thỏa thuận thì tất cả những người Việt Nam nêu trên đi trong chuyến này đều không phải trả cho T, do là người cùng quê và có quan hệ họ hàng nên T đã không yêu cầu họ phải trả số tiền này.

Lần 3: Tương tự như chuyến thứ 2, Bùi Văn H và Đỗ Thị L đã tập hợp được 16 công dân gồm: Bùi Thị Xuân, sinh năm 1996, Nguyễn Thị Ngân, sinh năm 1991, Đỗ H Thành, sinh năm 1990, Nguyễn Kim Sáng, sinh năm 1995, Lê Văn Dũng, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1997, Nguyễn Quang Huy, sinh năm 1984 đều ở xã L, huyện L; Trần Văn Khánh sinh năm 1991, Đặng Văn Hùng, sinh năm 1990 đều ở xã Đ, huyện L và một số công dân khác (hiện chưa xác định được là những ai, ở đâu). Bùi Văn H đã liên lạc với T để thông báo số lượng người tập hợp được và thống nhất ngày 19/02/2013 sẽ xuất phát đi đến thành phố Móng Cái, T đồng ý và giao cho H liên lạc với Vũ Thị D để đón người khi đưa đến thành phố Móng Cái, Quảng Ninh, H đồng ý. T đã liên lạc với Vũ Thị D để thống nhất ngày 19/02/2013 đón người Việt Nam tại thành phố Móng Cái, Quảng Ninh và tổ chức cho họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để bàn giao cho T, D đồng ý và yêu cầu Bùi Thị T phải trả trước một phần số tiền tổ chức xuất cảnh trái phép trước khi nhận đón số người Việt Nam nêu trên, T đồng ý nên đã tự bỏ ra số tiền 3.000 Nhân dân tệ thanh toán trả trước cho D.

Ngày 19/02/2013, H và L tiếp tục thuê Bùi Thái B1 và Bùi Thanh G lái xe ô tô biển kiểm soát: 29B- xxx.xx của H để tổ chức đưa 16 công dân này đến thành phố Móng Cái, Quảng Ninh bàn giao cho D. H thu tiền xe 350.000đ/người, tổng thu của 16 người nêu trên là 5.600.000đ, trả tiền công lái xe cho B1 là 300.000đ/chuyến, trả tiền công lái xe cho G là 500.000đ/chuyến, sau khi trừ chi phí thì H và L được hưởng lợi số tiền khoảng 3.000.000đ. Trước khi xuất phát H gọi điện thoại thông báo cho D, T biết để ra đón, đồng thời H giao nhiệm vụ cho B1 liên lạc với D để giao người khi đến thành phố Móng Cái, để D đưa họ vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Sau đó, B1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát: 29B- xxx.xx, G làm phụ xe đưa 16 người nêu trên đến thành phố Móng Cái, B1 điện thoại cho D để bàn giao người thì được D bảo liên lạc với Vũ Đình L2 để đón. B1 đã liên lạc với L2 và được hẹn bàn giao người tại khu vực ngã tư đèn đỏ gần bến xe Móng Cái. Khi đến điểm hẹn, B1 và G đã bàn giao 16 người Việt Nam cho 02 người đàn ông (không xác định được nhân thân, tên tuổi) rồi B1, G về Vĩnh Phúc. Nhóm 16 người nêu trên đã được 02 người đàn ông này đưa đi ra khu vực bờ sông Ka L2 cách bến xe Móng Cái khoảng 200m, thì gặp đồ máy do D đã chuẩn bị từ trước. Họ đã bàn giao 16 người nêu trên cho người lái đồ máy để đưa họ vượt biên từ Việt Nam sang Trung Quốc qua sông Ka L2, thành phố

Móng Cái, Quảng Ninh. Sau khi nhóm người này được đưa vượt biên sang Trung Quốc, D đã đón, bố trí xe ô tô đưa tất cả nhóm đến Quảng Đông, Trung Quốc giao cho T. Tuy nhiên, trên đường đi sâu vào nội địa Trung Quốc thì nhóm người này bị Công an Trung Quốc phát hiện bắt giữ, Công an Trung Quốc trả 16 người trên về Việt Nam. Trong chuyến đi này thì chưa có ai phải trả thanh toán tiền chi phí vượt biên cho T như thỏa thuận ban đầu.

Các lần khác (từ lần thứ 4 đến lần thứ 8): Các ngày 17/02/2013, 21/02/2013, 25/02/2013, 27/02/2013 và ngày 06/3/2013 vợ chồng Bùi Văn H và Đỗ Thị L còn tập hợp và đưa 05 chuyến xe ô tô nữa, mỗi chuyến từ 10 đến 16 người có nhu cầu sang Trung Quốc làm thuê. Trong 05 chuyến này lái xe ô tô đưa người đến thành phố Móng Cái vẫn là Bùi Thái B1 và Bùi Thanh G (riêng chuyến ngày 17/02/2013 chỉ có một mình Bùi Thái B1 lái). Khi đến thành phố Móng Cái thì B1 gọi điện thoại liên lạc với T và D sau đó T và D cho người đón và đưa những người lao động này vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê.

Ngày 20/6/2013, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Bùi Thị T, Bùi Văn H, Bùi Kim A, Bùi Thái B1, Bùi Thanh G, Đỗ Thị L, Vũ Thị M, Vũ Thị D về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép” quy định tại Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại Bản án số 22/2014/HSST ngày 15/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã xử phạt Bùi Văn H, Đỗ Thị L, Bùi Thanh G, Bùi Thái B1 và Vũ Thị M về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép” theo Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; bản án còn xử lý vật chứng của vụ án. Tại Bản án số 36/2016/HSST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã xử phạt đối với Bùi Kim A về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép” quy định tại Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do Bùi Thị T bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã đối với T; ngày 10/5/2022, T bị bắt theo lệnh truy nã. Cơ quan điều tra đã thu giữ của T 01 giấy chứng minh nhân dân số 135394252 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 14/6/2006. Còn bị can Vũ Thị D hiện vẫn trốn truy nã, chưa bắt được.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Thị T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội D vụ án đã nêu trên.

Đối với Vũ Đình L2 là người được Bùi Thái B1 gọi điện thoại và giao người lao động tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quang Ninh để L2 đưa trái phép sang Trung Quốc. Tuy vậy, chưa có cơ sở để xác định L2 có ra đón, đưa người lao động vượt biên sang Trung Quốc như lời khai của B1; chưa xác định được động cơ, mục đích của L2. Cơ quan điều tra đã triệu tập nhưng hiện L2 không có mặt ở địa phương nên việc Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau đối với L2 là phù hợp.

Đối với Đinh Công Q (Quang là chồng bị can Vũ Thị M) là người có hành vi đón 12 người lao động từ Km7 QL18 thành phố Móng Cái về nhà Quang cho

nghe nhờ sau đó M bố trí đưa 12 người này vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Tuy vậy, kết quả điều tra xác định Q không biết những người lao động này đi đâu, làm gì, Q cũng không biết được động cơ, mục đích của M. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự đối với Đinh Công Q là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Hoàng Văn Đ có hành vi lái xe ngày 02/03/2012 đưa 12 người dân từ xã Liên Hòa đến thành phố Móng Cái để sang Trung Quốc làm thuê. Kết quả điều tra xác định anh Đ không biết việc Bùi Kim A đưa những người dân này đến thành phố Móng Cái mục đích để họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để làm thuê. Do đó, việc Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự đối với anh Đ là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn T1 là người được Bùi Kim A nhờ trên đường đi gọi điện thoại cho Vũ Thị D để D ra đón, sắp xếp đưa số người ở huyện Lập Thạch (trong đó có Thọ) vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Tuy vậy, Thọ chỉ là người nộp tiền cho Kim A để được đi làm thuê tại Trung Quốc; mục đích của Thọ chỉ là muốn nhanh được đi làm tại Trung Quốc để được hưởng lương cao, Thọ không bàn bạc gì trước với Kim A và cũng không được hưởng lợi gì từ việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép của Kim A và T. Do đó, việc Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự đối với Thọ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các trường hợp người Việt Nam trong các chuyến vượt biên nêu trên đều khai nhận: Việc được tổ chức vượt biên trái phép sang Trung Quốc đều thông qua bị can Bùi Thị T và các trường hợp Bùi Kim A, Bùi Văn H, Đỗ Thị L, Bùi Thanh G, Bùi Thái B1 với mục đích để được bố trí việc làm tại Trung Quốc, cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ tài liệu liên quan đến cơ quan chức năng có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

Vật chứng: 01 chứng minh thư nhân dân số 135394252 mang tên Bùi Thị T.

Tiền thu lời bất chính: Ngày 29/8/2022 anh Bùi Văn H là anh trai của T đã nộp thay T số tiền 4.000.000đ.

Tại Cáo trạng số: 85/CT-VKS-P2 ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội “tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” theo khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Bùi Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D cáo trạng nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc luận tội đối với bị cáo T: Giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội “tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị T 03 năm 09 tháng năm đến 04 năm tù.

Vật chứng vụ án và số tiền thu lời đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo không có ý kiến bào chữa và tranh luận gì, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội D: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo khác, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để xác định:

Do muốn có tiền sử dụng cá nhân, từ ngày 02/3/2012 đến ngày 06/3/2013, Bùi Thị T cùng Bùi Kim A, Bùi Văn H, Bùi Thanh B1, Bùi Thanh G, Đỗ Thị L, Vũ Thị D, Vũ Thị M đã nhiều lần thực hiện hành vi tổ chức cho người khác trốn đi Trung Quốc trái phép để lao động có thu nhập cao hơn ở Việt Nam nhằm hưởng lợi, cụ thể như sau:

- Ngày 02/3/2012, theo sự sắp xếp của Bùi Thị T, Bùi Kim A đã thuê xe ô tô đưa 12 người dân của xã Thái Hòa, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để giao cho Vũ Thị D. D và Vũ Thị M đã tổ chức cho 12 người này vượt biên trái phép trốn sang địa phận Trung Quốc qua sông Ka L2 thuộc thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó D đưa số

người này đến tỉnh Quảng Đông giao cho T. Sau đó T bố trí việc làm cho 12 người này.

- Ngày 18/02/2013, theo sự sắp xếp của Bùi Thị T, Bùi Văn H cùng Đỗ Thị L, Bùi Thái B1, Bùi Thanh G đã tập hợp được 10 người dân của huyện Lập Thạch rồi bố trí xe đưa 10 người này đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để giao cho Vũ Thị D. D và Vũ Thị M đã tổ chức cho 10 người này vượt biên trái phép, trốn sang địa phận Trung Quốc qua sông Ka L2 thuộc thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó, D đưa số người này đến tỉnh Quảng Đông giao cho T, T đã bố trí việc làm cho 10 người này.

- Ngày 19/02/2013, theo sự sắp xếp của Bùi Thị T, Bùi Văn H cùng Đỗ Thị L, Bùi Thái B1, Bùi Thanh G đã tập hợp được 16 người dân của huyện Lập Thạch rồi bố trí xe đưa 16 người này đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để giao cho Vũ Thị D. D và Vũ Thị M đã tổ chức cho 16 người này vượt biên trái phép, trốn sang địa phận Trung Quốc qua sông Ka L2 thuộc thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Trên đường đi đến tỉnh Quảng Đông giao cho T thì số người này đã bị Công an Trung Quốc phát hiện và trả 16 người này về Việt Nam.

- Ngoài ra, các ngày 17,21,25,27/02/2013 và ngày 06/3/2013, theo sự sắp xếp của Bùi Thị T, vợ chồng Bùi Văn H và Đỗ Thị L đã tập hợp và đưa 05 chuyến xe ô tô nữa, mỗi chuyến từ 10 đến 16 người có nhu cầu sang Trung Quốc làm thuê. Sau đó H, L đưa những người này đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để giao cho Vũ Thị D. D và Vũ Thị M đã tổ chức cho những người này vượt biên trái phép, trốn sang địa phận Trung Quốc qua sông KaL2 thuộc thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó D đưa số người này đến tỉnh Quảng Đông giao cho T, T đã bố trí việc làm cho những người này.

Ngày 20/6/2013, Bùi Thị T đã bị Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc khởi tố bị can về tội “tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” với T4 tiết định khung là “phạm tội nhiều lần” (theo khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự 1999, có khung hình phạt từ 05 năm đến 12 năm tù). Đối chiếu với Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hành vi của Bùi Thị T tương ứng với tội “tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” với định khung hình phạt là “đối với 11 người trở lên” (là điểm a khoản 3 Điều 349 có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù).

Ngày 10/5/2022, bị cáo T bị bắt truy nã. Để đảm bảo có lợi cho người phạm tội, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Bùi Thị T về tội “tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”, theo khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự 1999 là phù hợp với quy định của pháp luật và cần xét xử bị cáo T theo điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố. Nội D điều luật quy định:

“Điều 275. Tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép.

“1. Người nào tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 91 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội nhiều lần hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng xấu đến chính sách đối nội, đối ngoại, xuất nhập cảnh của Nhà nước và là nguồn gốc dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét nhân thân, các T4 tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về T4 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thị T không bị áp dụng T4 tiết tăng nặng nào.

Về T4 tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng T4 tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và truy tố, bị cáo đã tự nguyện khắc phục số tiền thu lời bất chính nên được hưởng thêm T4 tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo lần đầu tiên bị xử lý trước pháp luật, có nhiều T4 tiết giảm nhẹ, không có T4 tiết tăng nặng. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng điều 54 để cho bị cáo được hưởng dưới khung hình phạt cũng đủ sức răn đe và giáo dục chung.

[5] Về xử lý vật chứng và số tiền thu lời:

- Đối với 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Bùi Thị T cần trả lại cho bị cáo T.

- Đối với số tiền 4.000.000đ là tiền T thu lời, ngày 29/8/2022, anh Bùi Văn H (là anh trai của Bùi Thị T) đã thay T nộp cần sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Bùi Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội “tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

1. Căn cứ khoản 2 Điều 275 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 10/5/2022.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm

2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

-Trả lại cho bị cáo Bùi Thị T 01 chứng minh nhân dân số 135394252 mang tên Bùi Thị T.

- Sung công quỹ nhà nước số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn), tiền thu lời bất chính đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc theo biên lai thu tiền số 0004044 ngày 29/8/2022.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại Tạm giam CA. tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS, Toà HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Bích Ngọc

